TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2018/DS-ST
Ngày: 26/6/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 707/2017/TLST-DS ngày 15/12/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Hoàng Xuân P, sinh năm 1980

Thường trú: Đường K, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Đường B, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1978

Thường trú: Đường B, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Dương Hoàng Xuân P trình bày:

Ngày 19/10/2016, bà Dương Hoàng Xuân P cho bà Phạm Thị Ngọc T mượn số tiền 40.000.000 đồng, hai bên có lập giấy mượn tiền, bà T hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại cho bà P số tiền đã mượn, khi mượn hai bên không thỏa thuận trả lãi. Đến hạn trả tiền, bà P đã nhắc bà T nhưng bà T không trả. Ngày 23/01/2017, bà T trả được 10.000.000 đồng và hẹn trong 01 tháng sẽ trả hết số tiền còn lại là 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến nay, bà T vẫn không trả tiền còn nợ cho bà P. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T trả số tiền mượn còn nợ là 30.000.000 đồng, bà P không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

Bà P xác định số tiền cho bà T vay là tiền riêng của bà P, không liên quan đến chồng là ông Nguyễn Quốc V, đề nghị Tòa án không đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, bà P không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Dương Hoàng Xuân P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Ngọc T trả lại số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng, bà P không yêu cầu bà T trả tiền lãi. Ngoài ra, bà P không còn yêu cầu nào khác.

Bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Dương Hoàng Xuân P yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T trả số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng. Căn cứ Kết quả xác minh của Công an phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T có hộ khẩu thường trú tại Đường B, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại đương sự T đi đâu không rõ từ ngày 01/8/2017 cho đến nay. Đồng thời, theo Giấy mượn tiền ngày 19/10/2016 thể hiện địa chỉ nơi cư trú của bà T là tại Đường B, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

1.3 Bà Dương Hoàng Xuân P xác định số tiền bà P cho bà T vay là tiền riêng của cá nhân bà P, không liên quan đến chồng là ông Nguyễn Quốc V. Đồng thời, ông V cũng xác định số tiền bà P cho bà T vay là tiền riêng của bà P, không liên quan đến ông V, ông V cũng không có tranh chấp số tiền mà bà T cho bà P vay. Bà P và ông V đều yêu cầu Tòa án không đưa ông V vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc khởi kiện của bà P không liên quan đến ông V nên không cần thiết phải đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung:

Bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Dương Hoàng Xuân P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 19/10/2016, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị Ngọc T có vay của bà P số tiền 40.000.000 đồng và hẹn trong một tháng bà T sẽ trả lại. Ngày 23/01/2017, bà T trả được 10.000.000 đồng. Bà T còn nợ tiền của bà P nên bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà P là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hoàng Xuân P là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hoàng Xuân P.

1.1 Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Dương Hoàng Xuân P số tiền còn nợ là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

1.2 Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T chậm trả tiền thì bà Phạm Thị Ngọc T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị Ngọc T chưa nộp án phí.

Bà Dương Hoàng Xuân P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037915 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Hoàng Xuân P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu